

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mười

Ông Phạm Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST – HNGĐ ngày 6/ 5/ 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 30/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1988

HKTT: Xóm Hoàng Kim, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm Bắc Lộc, thôn Vĩnh Lộc, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn Nh, sinh năm 1982

HKTT: Xóm Hoàng Kim, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị L trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn Nh là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 12/9/2005. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống gần như không có hạnh phúc. Trong suốt những năm chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Nh thường xuyên mắng chửi và đánh đập chị, có lần anh Nh uống rượu say, đập phá tài sản làm cho mảnh vỡ cắm vào hông con gái út; anh Nh lấy mảnh vỡ khía vào mặt chị, khiến hai mẹ con chị phải nằm viện nửa tháng. Sau khi ra viện được mọi người khuyên nhủ, chị đã bỏ qua lỗi lầm mà anh Nh gây ra để vợ chồng chở vè đoàn tụ, nhưng chỉ được thời gian ngắn anh Nh vẫn chứng nào tật ấy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn, năm 2016 chị đã về nhà mẹ đẻ để ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Nh.

- Về con chung: Chị và anh Nh có hai con chung cháu Dương Thế M, sinh ngày 19/9/2006 và cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày 11/12/2010. Hiện tại cháu M đang ở với anh Nh, còn cháu H đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, còn nếu cháu M muốn ở với anh Nh chị cũng đồng ý, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc anh Nh đề nghị chị phải thanh toán khoản tiền 30 triệu đồng trong thời gian 6 năm anh nuôi con, chị không đồng ý vì thời gian vợ chồng ly thân chị vẫn thường xuyên gửi tiền về để anh Nh nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và biên bản lấy lời khai anh Nh trình bày: Anh kết hôn với chị Trương Thị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phong. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, chị L rất ngoan ngoãn hiếu thảo nhưng vì điều kiện kinh tế, vợ chồng đã bàn nhau để chị L đi lao động nước ngoài, nhưng từ khi chị L đi lao động nước ngoài về thì chị L không còn thương yêu anh nữa và bỏ đi làm ăn ở Hà Nội một thời gian. Do công việc của chị L ở Hà Nội vất vả, anh đã trực tiếp ra đón chị L về, vợ chồng sinh thêm con gái thứ hai. Được một thời gian thì chị L tự ý dẫn các con đi làm ở Khánh Phú bên huyện Yên Khánh mà không nói gì với anh, để cháu lớn phải bỏ học mất một năm. Khi người quen gặp chị L đang ở bên huyện Yên Khánh, họ báo cho anh biết, anh đã ra chỗ chị L làm thì thấy chị L nhốt con ở trong nhà trọ và đi làm. Nhiều lần anh khuyên chị L về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không nghe. Chị L đã đem hai con cho anh nuôi và bỏ đi từ năm 2016 và vợ chồng sống ly thân từ

đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị L đi theo trai. Nay chị L xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Dương Thế M, sinh ngày 19/9/2006 và cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày 11/12/2010. Khi ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu M còn chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh đề nghị chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền 30 triệu đồng trong thời gian 6 năm anh đã nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật : Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thời gian. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng việc triệu tập của Tòa án, bị đơn chấp hành không nghiêm, có tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng khi thông qua biên bản đã tự ý bỏ về không nghe và không ký biên bản. Tòa án tổng đạt Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cùng Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa thì từ chối không nhận và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trương Thị L. Xử: Ly hôn giữa chị Trương Thị L và anh Dương Văn Nh

Về con chung: Giao cháu Dương Thế M, sinh ngày 19/9/2006 cho anh Dương Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M thành niên; Giao cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày 11/12/2010 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Không chấp nhận đề nghị của anh Nh buộc chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền 30 triệu đồng trong thời gian 6 năm anh đã nuôi con.

Án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại Xóm Hoàng Kim, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Dương Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị L xin ly hôn, anh Nh xác định tình cảm không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn; Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, khi hai bên được Tòa án báo đến làm việc, tại buổi hòa giải hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Dương Văn Nh là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hai bên xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, có hai con chung là cháu Dương Thế M, sinh ngày 19/9/2006 và cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày 11/12/2010. Hiện tại cháu M đang sống cùng anh Nh, cháu H đang sống cùng chị L. Theo quan điểm của chị L và anh Nh cũng như nguyện vọng của cháu M và cháu H, ly hôn mỗi người nuôi một cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. HĐXX xét thấy việc đề nghị của hai bên đương sự, cũng như nguyện vọng của các cháu là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận đề nghị của các đương sự là phù hợp với qui định tại các Điều 81,

Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Đối với yêu cầu của anh Nh, đề nghị chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền 30 triệu đồng trong thời gian 6 năm anh đã nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã yêu cầu anh Nh làm đơn yêu cầu phản tố và yêu cầu cụ thể đối với chi phí nuôi con trong thời gian 6 năm mà anh cho rằng chị L không cung cấp tiền để anh nuôi con. Anh Nh không hợp tác với Tòa án và cũng không có đơn yêu cầu. Còn theo chị L trình bày thì trong thời gian vợ chồng ly thân, chị vẫn thường xuyên quan tâm hỏi thăm, gửi tiền và quần áo cho các con, việc anh Nh không cho các cháu sử dụng, chị không biết. Do vậy HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của anh Nh đối với yêu cầu đòi chị L phải thanh toán số tiền 30 triệu đồng như anh Nh yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị L, anh Nh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L ly hôn với anh Dương Văn Nh. Quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị L và anh Dương Văn Nh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày 11/12/2010 cho đến khi cháu H thành niên; Giao cho anh Dương Văn Nh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thế M, sinh ngày 19/9/2006 cho đến khi cháu M thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị L, anh Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị L và anh Nh và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Nh và chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn: Chị Trương Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002248 ngày 06/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Án xử công khai sơ thẩm, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Phong (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Ngọc Hà